

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 502/2026/HNGĐ-ST
Ngày 30/7/2026

Về việc: “Ly hôn, giao nuôi con chung
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Hồng Chiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Minh Khánh và ông Phạm Văn Vượng.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-
Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Tuyên Quang tham gia phiên tòa:*
Bà Lương Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 30/7/2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang mở phiên
tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 213/2026/TLST-HNGĐ, ngày
16/4/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn”; theo quyết định
đưa vụ án ra xét xử số: 137/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/6/2026; Quyết định hoãn
phiên tòa số: 91/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06/7/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Lê Đình T**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ (thôn V cũ), xã H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt, có đơn đề nghị
xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Chị Trần **Thị Thanh T1**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn Đ (thôn V cũ), xã H, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý
do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 kết hôn với
nhau vào năm 2015, trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong
tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn vào ngày 30/3/2015 tại Ủy ban nhân dân
xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (*Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015, ngày 30 tháng
3 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H,
tỉnh Tuyên Quang)*). Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống, làm việc tại thôn V, xã V (nay

là thôn Đ, xã H) cùng với gia đình nhà anh T. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 4 năm 2026 anh Lê Đình T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Đình T trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn là trong cuộc sống hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, đời sống chung không có hạnh phúc, vợ chồng không còn lòng tin vào nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, nói nhau... mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng không có kết quả, hiện anh và chị T1 đang sống ly thân. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được anh T đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1.

- Về con chung: Anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 có 01 người con là Lê Trần Nhã Y, sinh ngày 24/8/2015. Cháu Yến hiện đang sống cùng anh T tại thôn Đ, xã H. Anh T có quan điểm nhận trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Yến, không yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Lời khai của cháu Lê Trần Nhã Y có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố.

- Về tài sản chung: Anh Lê Đình T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Lê Đình T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 đều có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ (thôn V cũ), xã H, tỉnh Tuyên Quang. Anh T và chị T1 kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang). Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Đ (thôn V cũ), xã H cùng với gia đình nhà anh T. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, suy nghĩ không hiểu nhau nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên to tiếng, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được gia đình và thôn hoà giải nhưng không thành, năm 2024 chị T1 bỏ đi làm ăn xa, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Hiện tại chị T1 không có mặt tại địa phương. Chị T1 là lao động tự do, đang đi làm ăn xa không xác định được địa chỉ, chị T1 vẫn thường xuyên về nhà khi được nghỉ lễ, tết hoặc gia đình có việc.

Chị T1 đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần chị T1 vẫn không đến Toà án làm việc. Do vậy Toà án nhân dân khu vực 1 – Tuyên Quang chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ với nguyên đơn và không tiến hành hoà giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát khu vực 1 – Tuyên Quang:

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn khi tham gia tố tụng đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn chị T1 không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 kết hôn với nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, vợ chồng hiện đang sống ly thân. Do vậy, căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX xử cho anh Lê Đình T được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1; về con chung: Giao cháu Lê Trần Nhã Y, sinh ngày 24/8/2015 cho anh Lê Đình Thủy là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; về tài sản chung, vay nợ chung: Anh T xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật:

Theo đơn khởi kiện anh Lê Đình T đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1 và giao nuôi con chung khi ly hôn; không đề nghị giải quyết về tài sản chung, vay nợ chung. chị Trần Thị Thanh T1 đăng ký HKTT tại thôn Đ (thôn V cũ), xã H, tỉnh Tuyên Quang. Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là “*Ly hôn, giao nuôi con chung khi ly hôn*”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập chị Trần Thị Thanh T1 nhiều lần nhưng chị T1 không đến làm việc, đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình trốn tránh nghĩa vụ. Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Đình T vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Trần Thị Thanh T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang) vào ngày 30/3/2015 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, sau phát sinh mâu thuẫn, tháng 4 năm 2026 anh

Lê Đình T có đơn khởi kiện đề nghị Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1.

Căn cứ lời khai các đương sự, căn cứ kết quả xác minh xác định nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống thiếu lòng tin vào nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra to tiếng cãi chửi nhau và hiện đang sống ly thân. Như vậy, cuộc sống hôn nhân của anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 có hạnh phúc thời gian đầu sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc nên xác định hôn nhân của anh T và chị T1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: Có cơ sở chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Lê Đình T được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1.

2.2. Về con chung:

Anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 có 01 người con chung là Lê Trần Nhã Y, sinh ngày 24/8/2015.

Xét thấy, cháu Lê Trần Nhã Y là con chung của anh Lê Đình T và chị Trần Thị Thanh T1 nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Tuy nhiên, do chị T1 đi làm xa không có mặt tại địa phương, cháu Yến hiện đang ở cùng với anh T. Anh T có quan điểm được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu, không yêu cầu chị T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Lời khai của cháu Lê Trần Nhã Y thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với bố. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung, đảm bảo việc thi hành án và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn. Căn cứ quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình cần giao cháu Lê Trần Nhã Y, sinh ngày 24/8/2015 cho anh Lê Đình T là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. chị Trần Thị Thanh T1 không có nghĩa vụ cấp dưỡng và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom cháu Yến mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung: Anh Lê Đình T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Anh Lê Đình T xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh Lê Đình T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Đình T được ly hôn với chị Trần Thị Thanh T1.

(Giấy chứng nhận kết hôn số 56/2015, ngày 30 tháng 3 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (nay là UBND xã H, tỉnh Tuyên Quang)).

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trần Nhã Y, sinh ngày 24/8/2015 cho anh Lê Đình T là người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Chị Trần Thị Thanh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Đình T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000015021428, ngày 16/4/2026 của Công ty cổ phần thanh toán quốc gia Việt Nam và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 135, ngày 16/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang. Anh Lê Đình T đã nộp đủ án phí của vụ án.

Chị Trần Thị Thanh T1 không phải nộp tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 1 – Tuyên Quang;
- T.H.A dân sự tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Tạ Hồng Chiến